

GIÁO DỤC KỸ NĂNG HOẠT ĐỘNG ĐỘC LẬP CHO TRẺ 5 – 6 TUỔI Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đặng Thị Thanh Uyên

Trường Mầm non Măng Non III, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng giáo dục kỹ năng hoạt động độc lập cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non ở Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát trên 150 giáo viên cho thấy nội dung giáo dục tập trung nhiều vào kỹ năng tự phục vụ (ăn uống, vệ sinh, mặc quần áo) hơn so với kỹ năng di chuyển hay xử lý tình huống trong cộng đồng. Các phương pháp giáo dục phổ biến là dùng lời, trực quan – minh họa và khích lệ, trong khi phương pháp thực hành – trải nghiệm chưa được áp dụng nhiều.

Từ khóa: Kỹ năng hoạt động độc lập; giáo dục kỹ năng hoạt động độc lập, trẻ 5 – 6 tuổi, trường mầm non

EDUCATING INDEPENDENT ACTIVITY SKILLS FOR 5–6-YEAR-OLD CHILDREN IN PRESCHOOLS IN DISTRICT 10, HO CHI MINH CITY

Dang Thi Thanh Uyen

Mang Non III Kindergarten, District 10, Ho Chi Minh City

Abstract: This study aims to assess the current situation of educating independent activity skills for 5–6-year-old children at preschools in District 10, Ho Chi Minh City. A survey conducted with 150 teachers revealed that the educational content mainly focuses on self-service skills (eating, hygiene, dressing) rather than mobility or community problem-solving skills. The most commonly used teaching methods include verbal instruction, visual illustration, and encouragement, while experiential and hands-on methods have not been widely applied.

Keywords: Independent activity skills; education of independent activity skills; 5–6-year-old children; preschool.

Nhận bài: 13/02/2025

Phản biện: 14/03/2025

Duyệt đăng: 17/03/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

KN hoạt động độc lập đóng vai trò then chốt trong sự phát triển toàn diện của trẻ mầm non, đặc biệt là trẻ 5-6 tuổi. KN hoạt động độc lập không chỉ giúp trẻ tự tin, chủ động trong các hoạt động hàng ngày mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự thành công trong học tập và cuộc sống sau này (Nguyễn Tuấn Vĩnh, 2014). Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc phát triển KN hoạt động độc lập từ sớm mang lại nhiều lợi ích cho trẻ, bao gồm tăng cường sự tự tin, lòng tự trọng, khả năng giải quyết vấn đề, và kỹ năng xã hội (Erikson, 1993; Piaget, 1962; Vygotsky, 1978). Đặc biệt, các nghiên cứu của Shonkoff và Phillips (2000) về khoa học phát triển trẻ thơ giai đoạn sớm cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng các KN này trong những năm đầu đời. Chính vì vậy, nghiên cứu về giáo dục KN hoạt động độc lập (hoặc các tên gọi khác của nó) đã được quan tâm thực hiện ở Việt Nam (Đương Thị Kim Anh và Đặng Thị Phương Anh, 2023; Hoàng Thị Hải Quế, 2023).

Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều trẻ mầm non vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc hình thành và phát triển KN hoạt động độc lập. Điều này có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân như phương pháp giáo dục chưa phù hợp, sự bao bọc quá mức của gia đình, hoặc thiếu hụt các hoạt động rèn

luyện kỹ năng tại trường mầm non. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá thực trạng giáo dục KN hoạt động độc lập cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non trên địa bàn Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp những thông tin hữu ích cho các nhà quản lý giáo dục, giáo viên và phụ huynh trong việc xây dựng và triển khai các biện pháp can thiệp, hỗ trợ nhằm nâng cao KN hoạt động độc lập, góp phần vào sự phát triển toàn diện của trẻ.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Khách thể nghiên cứu là 150 giáo viên dạy trẻ 5 – 6 tuổi tại các trường mầm non trên địa bàn quận 10, TP.HCM. Độ tuổi trung bình của khách thể là 38,2 (độ lệch chuẩn 7,1). Tất cả giáo viên có trình độ cao đẳng (18%), đại học (72,7%) và trên đại học (9,3%). Thâm niên công tác trung bình trong ngành giáo dục mầm non của giáo viên là 13,3 năm (độ lệch chuẩn 7,08).

Công cụ nghiên cứu là bảng hỏi gồm 04 câu hỏi nhằm khảo sát nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục và các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục KN hoạt động độc lập cho trẻ 5 – 6 tuổi ở trường mầm non. Mỗi câu hỏi gồm nhiều item được thiết kế theo thang likert 5 mức độ. Nội dung của các item được xây dựng trên cơ sở cấu trúc KN hoạt

động độc lập theo Lambert, Nihira và Layland (1993), nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục được quy định trong Chương trình Giáo dục Mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Kiểm định Cronbach's Alpha bằng 0,893 cho thấy bảng hỏi có độ tin cậy đảm bảo.

Số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0 để tính toán tỉ lệ, điểm trung bình và độ lệch chuẩn.

2.1. Nội dung giáo dục kĩ năng hoạt động độc lập cho trẻ 5 – 6 tuổi

Nội dung giáo dục KN hoạt động độc lập cho trẻ 5 – 6 tuổi là những KN cụ thể trong ăn uống, khi đi vệ sinh, trong giữ gìn vệ sinh cơ thể, về trang phục, trong di chuyển, đi lại và trong một số lĩnh vực khác.

Kết quả khảo sát cho thấy, giáo viên đã quan tâm giáo dục tất cả các KN hoạt động độc lập cho trẻ. Điểm trung bình của gần như tất cả các item đều trên 4,0, độ lệch chuẩn cũng không lớn cho thấy sự thống nhất trong mức độ thực hiện của giáo viên. Tất cả những KN cụ thể này đều có thể thấy trong kết quả mong đợi và nội dung giáo dục quy định trong Chương trình Giáo dục Mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Vì vậy, thực hiện các nội dung giáo dục theo Chương trình sẽ góp phần quan trọng giáo dục KN hoạt động độc lập cho trẻ.

Nhóm các KN tự phục vụ như ăn uống, đi vệ sinh, giữ vệ sinh, trang phục được giáo viên quan

tâm giáo dục hơn KN di chuyển, đi lại và một số KN khác. Xét trên từng KN cụ thể, “gọi được một bữa ăn đầy đủ các món cơ bản trong quán ăn hoặc nhà hàng”, “đi lại một mình xung quanh nơi ở, trong trường và một số địa điểm công cộng một cách an toàn”, “nhận biết và tránh các nguy hiểm trên đường đi” ít được giáo viên giáo dục trẻ hơn. Có vẻ như, những KN gắn với môi trường sống thân thuộc hàng ngày của trẻ được giáo viên chú trọng hơn so với những KN được thực hiện trong cộng đồng, đòi hỏi sự phức tạp. Điều này cần được các trường mầm non và giáo viên quan tâm điều chỉnh để đảm bảo sự toàn diện trong giáo dục. Mặt khác, cần có sự phối hợp với cha mẹ trẻ để giáo dục những KN thường được thực hiện nhiều trong môi trường ngoài lớp học.

2.2. Phương pháp giáo dục kĩ năng hoạt động độc lập cho trẻ 5 – 6 tuổi

Theo Chương trình Giáo dục Mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021), phương pháp giáo dục trẻ bao gồm phương pháp thực hành – trải nghiệm, phương pháp trực quan – minh họa, phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ, phương pháp nêu gương – đánh giá và phương pháp dùng lời. Các phương pháp này phù hợp với đặc điểm tâm – sinh lý của trẻ vì vậy có thể áp dụng vào bất kì nội dung giáo dục nào ở trường mầm non. Kết quả khảo sát các phương pháp giáo dục KN hoạt động độc lập cho trẻ 5 – 6 tuổi thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Kết quả khảo sát phương pháp giáo dục kĩ năng hoạt động độc lập cho trẻ 5 – 6 tuổi

Phương pháp giáo dục	Mức độ thực hiện (%)					ĐTB	ĐLC
	5	4	3	2	1		
Phương pháp thực hành – trải nghiệm	50,7	46,0	3,3	0	0	4,47	0,56
Phương pháp trực quan – minh họa	70,7	25,3	4,0	0	0	4,66	0,55
Phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ	70,7	26,7	2,7	0	0	4,68	0,52
Phương pháp nêu gương – đánh giá	64,0	34,7	1,3	0	0	4,58	0,71
Phương pháp dùng lời	77,3	20,0	2,7	0	0	4,74	0,49

Ghi chú: 5 - Rất thường xuyên; 4 - Thường xuyên; 3 - thỉnh thoảng; 2 - Hiếm khi; 1- Không bao giờ; ĐTB – Điểm trung bình; ĐLC – Độ lệch chuẩn

Tất cả các phương pháp giáo dục đều được giáo viên sử dụng thường xuyên để giáo dục KN hoạt động độc lập cho trẻ; trong đó, phương pháp được sử dụng nhiều nhất là phương pháp dùng lời. Đây là phương pháp giáo dục được sử dụng phổ biến nhất trong các nhà trường Việt Nam để diễn giải, thuyết phục... nên rất dễ hiểu khi

giáo viên cũng sử dụng nhiều phương pháp này. Phương pháp được thực hành – trải nghiệm được giáo viên sử dụng ít nhất. Thực hành – trải nghiệm là xu hướng giáo dục được đề cao hiện nay bởi tạo ra nhiều cơ hội để người học phát triển năng lực theo cách riêng của mình một cách bền vững và gắn với thực tiễn cuộc sống. Đặc biệt đối với

giáo dục KN hoạt động độc lập, phương pháp này càng cần được chú trọng để trẻ được rèn luyện các KN trong các tình huống thực tiễn và gắn với trải nghiệm của trẻ. Vì vậy, tăng cường phương pháp thực hành – trải nghiệm trong giáo dục KN hoạt động độc lập là một khuyến nghị quan trọng cho trường mầm non và giáo viên mầm non từ kết quả nghiên cứu này.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng giáo dục kỹ năng hoạt động độc lập cho trẻ 5-6 tuổi đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển toàn diện của trẻ mầm non. Kết quả khảo sát cho thấy các kỹ năng tự phục vụ như ăn uống, vệ sinh cá nhân, mặc quần áo được giáo viên chú trọng hơn so với các kỹ năng liên quan đến di chuyển, đi lại và xử lý tình huống ngoài lớp học. Mặc dù các phương

pháp giáo dục kỹ năng hoạt động độc lập được áp dụng đa dạng, nhưng phương pháp thực hành – trải nghiệm vẫn chưa được khai thác tối ưu. Ngoài ra, sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường vẫn cần được tăng cường để nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng này.

Dựa trên những kết quả thu được, nghiên cứu khuyến nghị rằng các trường mầm non cần cân đối việc giáo dục kỹ năng hoạt động độc lập giữa các môi trường trong lớp học và ngoài thực tế, đồng thời đẩy mạnh phương pháp thực hành – trải nghiệm để trẻ có điều kiện rèn luyện kỹ năng trong những tình huống thực tế. Bên cạnh đó, giáo viên cần phối hợp chặt chẽ với phụ huynh để tạo ra môi trường giáo dục đồng nhất giữa nhà trường và gia đình, nhằm giúp trẻ phát triển kỹ năng hoạt động độc lập một cách toàn diện và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Chương trình Giáo dục Mầm non*. Ban hành theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021
- Piaget, J. (1962). *Play, dreams and imitation in childhood*. New York: Norton.
- Hoàng Thị Hải Quế (2023), *Một số biện pháp giáo dục tính tự lập cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi thông qua hoạt động chơi ngoài trời*, Tạp chí thiết bị giáo dục, Tập1, số 248.
- Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Cambridge, MA: Harvard University Press.
- Wingo, J., Kalkut, E., Tuminello, E., Asconape, J., & Han, S. D. (2013). *Executive functions, depressive symptoms, and college adjustment in women*. *Applied Neuropsychology: Adult*, 20(2), 136-144.